

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Y  
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HS-ST  
Ngày 16 tháng 3 năm 2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH HƯNG YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Nhiên

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Minh Đón và ông Lê Xuân Thuật

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vinh Quy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Y

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2023/TLST - HS ngày 14 tháng 02 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 11/2023/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2023; đối với các bị cáo:

**1. Bùi Thị H.** Sinh năm: 1990. Giới tính: Nữ. Hộ khẩu thường trú: thôn P, xã C, huyện C, tỉnh TH. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Mường. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: Lớp 9/12. Nghề nghiệp: Tự do. Chức vụ trước khi phạm tội: không. Họ tên bố: Bùi Văn C. Đã chết. Họ tên mẹ: Bùi Thị L. Sinh năm 1950. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ tư. Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Không. Ngày 30/9/2022, H đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/10/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Theo Lệnh trích xuất có mặt tại phiên tòa.

**2. Bùi Văn Đ.** Sinh năm: 1987. Giới tính: Nam. Hộ khẩu thường trú: thôn L, xã C, huyện C, tỉnh TH. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Mường. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: lớp 4/12. Nghề nghiệp: Tự do. Chức vụ trước khi phạm tội: không. Họ tên bố: Bùi Văn H1. Đã chết. Họ tên mẹ: Lê Thị H2. Sinh năm 1960. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ ba. Vợ con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 01/12/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Y. Theo Lệnh trích xuất có mặt tại phiên tòa.

**3. Bùi Văn T.** Sinh năm: 1987. Giới tính: Nam. Hộ khẩu thường trú: thôn P, xã C, huyện C, tỉnh TH. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Mường. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: lớp 6/12. Nghề nghiệp: Tự do. Chức vụ trước khi phạm tội: không. Họ tên bố: Bùi Văn S. Sinh năm 1965. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Họ tên mẹ: Quách Thị V. Sinh năm 1963. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai. Họ tên vợ: Lê Thị H3. Sinh năm 1990. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không. T bị bắt tạm giam từ ngày 01/12/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Y. Theo Lệnh trích xuất có mặt tại phiên tòa.

**\* Người bào chữa cho các bị cáo Bùi Thị H và Bùi Văn T:** Bà Nguyễn Thị Trang - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H. (có mặt)

**\* Bị hại:** Anh Đinh Văn C1, sinh năm 1984. (có mặt)  
Địa chỉ: Bản Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh S.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1- Anh Mùi Văn N, sinh năm 1991; (có mặt)

HKTT: Bản B, xã Đ, huyện P, tỉnh S.

Chỗ ở hiện nay: thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh BN.

2- Chị Ngô Thị P, sinh năm 1979; (vắng mặt)

Chỗ ở hiện nay: thôn T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh H.

3- Chị Y Mết Đăm Mai Th, sinh năm 1988; (có mặt)

HKTT: Bản P, xã S, huyện P, tỉnh S.

Chỗ ở hiện nay: thôn Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh H.

4- Anh Lý Văn S1, sinh năm 1990; (có mặt)

HKTT: Bản P, xã S, huyện P, tỉnh S.

Chỗ ở hiện nay: thôn T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh H.

5- Chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1992; (có mặt)

Địa chỉ: thôn P, xã C, huyện C, tỉnh TH.

**\* Người làm chứng:**

1- Anh Hoa Văn L1, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn A, xã H, huyện A, tỉnh H.

2- Anh Sa Văn B, sinh năm 1992; (có mặt)

HKTT: Bản Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh S.

3- Anh Trần Văn D, sinh năm 1988; (vắng mặt)

HKTT: thôn L, xã C, huyện C, tỉnh TH.

4- Bà Bùi Thị L, sinh năm 1950; (có mặt)

HKTT: thôn P, xã C, huyện C, tỉnh TH.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Thị H cùng chị Nguyễn Thị Ph và chị Y Mết Đăm Mai Th, hiện đều đang trọ tại khu nhà trọ của chị Ngô Thị P ở xóm C, thôn T, thị trấn Y, huyện Y,

tình H có xảy ra mâu thuẫn với nhau. Khoảng 20 giờ ngày 27/4/2022, H và chị Ph đến phòng trọ của Bùi Văn Đ ngồi ăn cơm cùng Đ, Bùi Văn T và anh Trần Văn D, tại đây, chị Ph nói với mọi người “*ở đây trọ có con bé nó chửi em là cave, để em về em xem nó thế nào*”, rồi chị Ph cùng H và anh D cùng nhau đi về phòng trọ của chị Th. Khi đứng ở cửa phòng chị Th, chị Ph nói “*mày ra đây tao bảo, sao mày dám chửi tao là con cave*”; chị Th đi ra ngoài cửa thì chị Ph túm cổ áo và tóc đẩy chị Th vào tường, còn H gọi điện thoại cho Đ nói “*các anh đến phòng trọ của bọn em, có đưa nó đánh bọn em*”. Lúc này anh Lý Văn S1 là người trọ cùng phòng chị Th có ra can ngăn và cùng chị Th xin lỗi chị Ph thì chị Ph đồng ý. Chị Th lấy chiếu trải ở sân phơi tầng hai khu trọ để hai bên ngồi nói chuyện, khoảng 10 phút sau chị Ph đứng lên đi ra ngoài một mình. Sau đó Đ và T đến đi lên sân phơi tầng hai thì thấy anh S1, chị Th, H, anh D đang ngồi nói chuyện thì Đ nói “*thằng nào đánh em gái tao*” đồng thời dơ chân lên đá về phía anh S1 nhưng anh S1 tránh được và chạy vào phòng trọ gọi điện cho anh Đinh Văn C1 nói “*em đang bị đánh ở phòng trọ anh đến giúp em*”, sau đó theo đề nghị của Đ, anh S1 đi ra sân phơi ngồi nói chuyện hòa giải. Sau khi nhận cuộc điện thoại của anh S1, anh C1 gọi điện cho anh Sa Văn B bảo “*đến phòng trọ của Sơn xem Sơn bị đánh thế nào*” thì anh Bắc đồng ý. Khi anh C1 đến khu trọ của anh S1 thấy Đ, T, H, anh D, anh S1 và chị Th đang ngồi nói chuyện tại sân phơi anh C1 hỏi “*thằng nào đánh em tao*” thì Đ nói “*tao đánh đấy*” rồi cùng T đứng lên dùng tay nắm vào vùng sau gáy, người của anh C1. Khi anh C1 đang bị Đ và T dùng chân tay nắm đá vào người, đầu thì H tay phải cầm 01 viên gạch màu đỏ, kích thước khoảng (10x5x5) dưới nền sân phơi đi đến đứng đối diện anh C1, Đ liền giăng viên gạch từ tay H và đập nhiều nhát vào người, phía sau lưng anh C1, rồi Đ làm rơi viên gạch, H tay phải tiếp tục nhặt 01 viên gạch màu đỏ kích thước (14x8,5x5)cm ở dưới nền sân phơi đi đến đứng đối diện cách anh C1 01m đập một phát theo chiều từ trên xuống dưới, từ phải qua trái trúng vào phần sống mũi anh C1 làm chảy máu, sau đó Đ và T nắm nhiều phát vào mặt và đầu anh C1, lúc này có anh Sa Văn B đến cùng anh S1, anh D can ngăn Đ và T để anh C1 chạy đi. Hậu quả: anh C1 bị thương chảy máu mũi phải cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa P, sau đó được chuyển đến Bệnh viện Việt Đức để tiếp tục điều trị.

Bệnh án tai – mũi – họng số 0222800122 của Bệnh viện Đa khoa P – Sở y tế H thể hiện: Đinh Văn C1 vào viện lúc 00 giờ 50 phút ngày 28/04/2022, tình trạng: vỡ xương mũi, ra viện lúc 10 giờ 00 phút ngày 29/04/2022 để chuyển Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức điều trị.

Phiếu kết quả cắt lớp vi tính 64 dãy của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức ngày 29/4/2022 đối với anh Đinh Văn C1 kết luận: Hình ảnh vỡ xương mũi hai bên và gãy vách mũi. Vỡ các thành xoang hàm và vỡ thành trong và sàn ổ mắt trái. Ổ

khuyết xương của khẩu cái cứng lệch phải. Dày niêm mạc xoang hàm trái và xoang trán.

Bệnh án ngoại số 20131 của Bệnh viện hữu nghị Việt Đức xác định: Đinh Văn C1 vào viện lúc 17 giờ ngày 05/5/2022, bệnh chính: chấn thương hàm mặt: Gãy xương hàm trái, xương chính mũi. Phương pháp điều trị: Phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt, KHX Nẹp VIS bờ hố lê, BDOMT, nắn chỉnh xương chính mũi, đặt merocell, nẹp bột cố định mũi. Ra viện ngày 11/5/2022. Tình trạng: Tạm ổn định.

Bản kết luận giám định pháp y thương tích số 4047/KL-KTHS, ngày 25/7/2022 của Viện khoa học hình sự - Bộ công an đối với anh Đinh Văn C1 kết luận: Sẹo vùng giữa sống mũi kích thước nhỏ: 03% (áp dụng Nguyên tắc 1, 2 và Mục I.1, Chương 8); Sẹo vùng sống mũi bên trái kích thước nhỏ: 03% (áp dụng Nguyên tắc 1, 2 và Mục I.1, Chương 8); Sẹo phẫu thuật vùng mi dưới mắt trái kích thước nhỏ: 03% (áp dụng Nguyên tắc 1, 2, 3 và Mục I.1, Chương 8); Sẹo phẫu thuật ngách tiền đình hàm trên bên trái kích thước nhỏ: 01% (áp dụng Nguyên tắc 1, 3, 5 và Mục I.1, Chương 8); Gãy xương mũi hai bên không ảnh hưởng chức năng thở: 07% (áp dụng Mục II.3.1, Chương 12); Vỡ thành xoang hàm trái còn dụng cụ kết hợp xương, không di lệch: 07% (áp dụng Mục II.4.1, Chương 12). Áp dụng phương pháp xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể quy định tại Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế, xác định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Đinh Văn C1 tại thời điểm giám định là: 22% (Hai mươi hai phần trăm). Cơ chế hình thành thương tích: Các tổn thương vùng mặt của anh Đinh Văn C1 do vật tày gây ra.

\* Vật chứng thu giữ: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y khám nghiệm hiện trường thu giữ 01 viên gạch đất nung màu xám – đỏ, kích thước (19x9x5)cm; 01 viên gạch đất nung màu đỏ, kích thước (14x8,5x5)cm; 01 mảnh viên gạch đất nung màu đỏ, kích thước (8,5x5x5)cm; 01 mảnh viên gạch đất nung màu đỏ, kích thước (10x5x5)cm. Hiện đang được bảo quản tại Kho vật chứng Công an huyện Y.

\* Về trách nhiệm dân sự: Anh Đinh Văn C1 yêu cầu Bùi Thị H, Bùi Văn Đ và Bùi Văn T bồi thường số tiền 50 triệu đồng gồm: chi phí điều trị thương tích, tổn thất tinh thần và tiền công lao động những ngày không đi làm được.

Kết quả điều tra không có chứng cứ xác định chị Nguyễn Thị Ph, anh Trần Văn D đồng phạm.

Quá trình điều tra, các bị cáo Bùi Thị H, Bùi Văn Đ và Bùi Văn T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

Tại Cáo trạng số 16/CT -VKS - YM ngày 14 tháng 02 năm 2023, của VKSND huyện Yên Mỹ truy tố các bị cáo Bùi Thị H, Bùi Văn Đ và Bùi Văn

T về tội: Cố ý gây thương tích, quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo H, Đ và T đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu. Bị cáo Đ và T xác định đã tác động gia đình để bồi thường trước xét xử cho anh C1 với số tiền 30.000.000đồng/02 bị cáo. Bị cáo H nhất trí tự nguyện bồi thường cho anh C1 số tiền 20.000.000đồng, tuy nhiên xin anh C1 thời gian chấp hành án xong về sẽ trả. Các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Đ và T xin được cải tạo tại địa phương.

- Bị hại anh C1 trình bày: Trước khi xét xử thì anh đã nhận được số tiền bồi thường thiệt hại của bị cáo Đ và T tổng số là 30.000.000đồng, tại phiên tòa anh không yêu cầu các bị cáo Đ và T bồi thường gì thêm. Đề nghị HĐXX cho anh được rút phần yêu cầu bồi thường đối với bị cáo Đ và T, đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo Đ và T được cải tạo tại địa phương. Anh nhất trí sự tự nguyện của bị cáo H về việc bồi thường trả anh số tiền 20.000.000đồng còn lại và cũng nhất trí thời hạn trả là khi nào bị cáo ra trại sẽ đi làm và trả anh số tiền này, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội Cố ý gây thương tích.

Đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm s khoản 1 và 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo H, Đ và T; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo H; điểm b khoản 1 Điều 51, khoản 1 và 2 Điều 65 BLHS, Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Đ và T; Điều 92 Luật thi hành án hình sự đối với các bị cáo Đ và T. Đề nghị xử phạt: bị cáo Bùi Thị H từ 02 năm 9 tháng đến 03 năm tù; bị cáo Bùi Văn Đ từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị cáo Bùi Văn T từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, giao các bị cáo Đ và T cho chính quyền nơi các bị cáo cư trú giám sát trong thời gian chấp hành án. Trả tự do cho các bị cáo Đ và T.

Về trách nhiệm dân sự: Anh C1 xác định đã nhận tiền bồi thường từ gia đình bị cáo Đ và T, mỗi gia đình số tiền là 15.000.000đồng nên tại phiên tòa anh C1 xin rút phần yêu cầu đòi bồi thường đối với bị cáo Đ và T nên không xem xét giải quyết. Anh C1 yêu cầu bị cáo H bồi thường thiệt hại số tiền 20.000.000đồng, bị cáo H nhất trí và xin anh C1 cho nợ đến khi ra trại sẽ trả, anh C1 đồng ý nên cần ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo H bồi thường trả anh C1 số tiền 20.000.000đồng.

Về vật chứng đề nghị tịch thu cho tiêu hủy 01 viên gạch đất nung màu xám – đỏ, kích thước (19x9x5)cm; 01 viên gạch đất nung màu đỏ, kích thước (14x8,5x5)cm; 01 mảnh viên gạch đất nung màu đỏ, kích thước (8,5x5x5)cm; 01 mảnh viên gạch đất nung màu đỏ, kích thước (10x5x5)cm

Về án phí: Bị cáo Đ phải chịu 200.000 đồng án phí HSST. Miễn án phí cho bị cáo H và bị cáo T.

Người bào chữa cho các bị cáo H và T có quan điểm nhất trí với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H và cho bị cáo T được cải tạo tại địa phương. Đề nghị miễn án phí cho bị cáo H và bị cáo T.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Bị cáo H và T nhất trí với lời bào chữa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng; Kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác. Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định: Khoảng 21 giờ ngày 27/4/2022, tại khu nhà trọ của chị Ngô Thị P ở xóm C, thôn T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh H, Bùi Thị H, Bùi Văn Đ, Bùi Văn T có hành vi dùng gạch, tay chân đánh gây thương tích cho anh Đinh Văn C1, với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 22%. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh H truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất mức độ của vụ án: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, mặt khác còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi của các bị cáo gây ra, nhằm mục đích cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo để trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[4]. Xét vai trò của các bị cáo thì thấy: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể, tuy nhiên xuất phát từ việc mâu

thuần cá nhân giữa chị Ph là bạn cùng phòng trọ của bị cáo H với chị Th người ở cùng khu trọ mà bị cáo H đã gọi điện cho Đ nói “các anh đến phòng trọ của bọn em, có đưa nó đánh bọn em”, tiếp nhận ý chí của H, Đ đã rủ T đến chỗ của H và xô sát đánh anh C1, H đã nhặt viên gạch lên thì Đ giăng lấy viên gạch đánh anh C1, bản thân H đã dùng một viên gạch đập vào sống mũi của anh C1, T và Đ lao vào đấm đá anh C1, trong vụ án này bị cáo H tham gia tích cực nhất, gọi điện lôi kéo bị cáo Đ tham gia, là người trực tiếp gây thương tích cho anh C1 nên bị cáo H có vai trò cao nhất; bị cáo Đ đã dùng tay đấm anh C1, sau thấy H cầm gạch bị cáo giăng gạch và đập vào người anh C1 nên bị cáo Đ có vai trò sau bị cáo H và cao hơn bị cáo T.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo H sau khi phạm tội đã đầu thú, các bị cáo đều được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo Đ và T đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại trước xét xử nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại.

[7]. Về nhân thân: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

[8]. Với những phân tích như trên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. HĐXX thấy bị cáo H là người thực hành tích cực nhất, thương tật của anh C1 chủ yếu do bị cáo gây lên nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Bị cáo Đ và T có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, tham gia vụ án với vai trò thứ yếu nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mà cho các bị cáo được hưởng án treo, ấn định một thời gian thử thách và giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát giáo dục cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo.

[9]. Về trách nhiệm dân sự: người bị hại anh C1 yêu cầu các bị cáo bồi thường tổng số tiền 50 triệu đồng.

Tại phiên tòa anh C1 xác nhận trước khi xét xử anh đã nhận đủ tiền bồi thường thiệt hại của bị cáo Đ và bị cáo T, anh không yêu cầu hai bị cáo này bồi thường gì thêm và xin rút một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với bị cáo Đ và bị cáo T. Anh yêu cầu bị cáo H phải bồi thường cho anh số tiền

20.000.000đồng. Bị cáo H nhất trí yêu cầu này của anh C1 nên cần ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo H bồi thường trả anh C1 số tiền 20.000.000đồng.

[10]. Về vật chứng: Đối với 01 viên gạch đất nung màu xám – đỏ, kích thước (19x9x5)cm; 01 viên gạch đất nung màu đỏ, kích thước (14x8,5x5)cm và 01 mảnh viên gạch đất nung màu đỏ, kích thước (8,5x5x5)cm; 01 mảnh viên gạch đất nung màu đỏ, kích thước (10x5x5)cm là công cụ phạm tội, hiện không có giá trị nên sẽ tịch thu cho tiêu hủy.

[11]. Về án phí: Bị cáo Đ phải chịu 200.000đồng án phí HSST theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội đối với bị cáo Đ:

Các bị cáo H và T thuộc diện hộ nghèo và cận nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo H được miễn án phí trách nhiệm dân sự theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

#### QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ áp dụng pháp luật: Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với tất cả các bị cáo; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo H; điểm b khoản 1 Điều 51, khoản 1 và 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 92 Luật thi hành án hình sự đối với các bị cáo Đ và T.

2. Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Thị H, Bùi Văn Đ và Bùi Văn T phạm tội Cố ý gây thương tích.

3. Xử phạt: bị cáo Bùi Thị H 02 (hai) năm 9 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 01/10/2022.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn Đ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trả tự do cho bị cáo Bùi Văn Đ tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về hành vi phạm tội nào khác.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh TH nơi bị cáo cư trú, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trả tự do cho bị cáo Bùi Văn T tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về hành vi phạm tội nào khác.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh TH nơi bị cáo cư trú, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có thể bị Tòa án buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 của Điều 65 của Bộ luật hình sự nếu đang trong thời gian thử thách mà cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87 của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên.

4. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và các Điều 584, 585, 586 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với bị cáo H.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo H nhất trí bồi thường thiệt hại cho anh Đinh Văn C1 số tiền 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày anh C1 có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo H chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Về vật chứng: Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và Điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu cho tiêu hủy: 01 viên gạch đất nung màu xám – đỏ, kích thước (19x9x5)cm; 01 viên gạch đất nung màu đỏ, kích thước (14x8,5x5)cm; 01 mảnh viên gạch đất nung màu đỏ, kích thước (8,5x5x5)cm; 01 mảnh viên gạch đất nung màu đỏ, kích thước (10x5x5)cm

*Tình trạng vật chứng theo Quyết định chuyển vật chứng số 16/QĐ-VKS-YM ngày 14 tháng 02 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y.*

6. Về án phí: Bị cáo Bùi Văn Đ phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Bùi Thị H, Bùi Văn T.

Miễn án phí trách nhiệm dân sự cho bị cáo Bùi Thị H.

7. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

8 Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- VKSND huyện Y;
- TAND + VKSND tỉnh H;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Y;
- Cơ quan THAHS CA huyện Y;
- Chi cục THA huyện Y;
- Sở tư pháp;
- UBND xã C, xã C, huyện C, tỉnh TH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****( Đã ký)****Phan Thị Nhiên**